

Số: 1189/NQ-BSR

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (“Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn số 1188/BB-BSR ngày 22 tháng 04 năm 2022;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (Báo cáo đính kèm), với các chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

1.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

| Stt | Nội dung | ĐVT | Năm 2021 | |
|-----------|--------------------------------------|---------|-----------|-----------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện |
| I | Chỉ tiêu sản lượng | | | |
| 1 | Sản lượng sản xuất | Tấn | 6.497.587 | 6.528.804 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | | 6.497.587 | 6.423.553 |
| II | Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất) | | | |
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 70.898,3 | 102.130,0 |
| 2 | Nộp NSNN | | 7.706,5 | 11.379,3 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | | 871,4 | 6.940,7 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | | 870,0 | 6.683,5 |

| Stt | Nội dung | ĐVT | Năm 2021 | |
|------------|--------------------------------------|---------|----------|-----------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện |
| III | Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ | | | |
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 70.660,6 | 102.068,7 |
| 2 | Nộp NSNN | | 7.697,6 | 11.366,7 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | | 864,3 | 7.031,5 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | | 864,3 | 6.776,7 |

1.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đầu tư

| Stt | Chỉ tiêu đầu tư | ĐVT | KH năm 2021 | TH năm 2021 |
|-----------|------------------------------------|----------------|---------------|---------------|
| I | Giá trị thực hiện đầu tư | Tỷ đồng | 938,77 | 216,03 |
| 1 | Dự án NCMR NMLD | Tỷ đồng | 567,90 | 26,34 |
| 2 | Các dự án đầu tư khác | Tỷ đồng | 63,48 | 0,05 |
| 2.1 | Các dự án chuyển tiếp năm 2020 | Tỷ đồng | 7,99 | 0 |
| 2.2 | Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2021 | Tỷ đồng | 55,49 | 0,05 |
| 3 | Mua sắm TSCĐ | Tỷ đồng | 307,39 | 189,65 |
| II | Giá trị giải ngân | Tỷ đồng | 938,77 | 125,49 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 938,77 | 125,49 |
| 2 | Vốn vay + khác | Tỷ đồng | - | - |

1.2. Kế hoạch năm 2022

1.2.1. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

| STT | SẢN PHẨM | ĐVT | KẾ HOẠCH NĂM 2022 | |
|-----|----------------|------------|-------------------|------------------|
| | | | Sản xuất | Tiêu thụ |
| 1. | Polypropylene | Tấn | 169.905 | 169.905 |
| 2. | LPG | Tấn | 468.666 | 468.666 |
| 3. | Xăng E5 RON 92 | Tấn | 43.859 | 43.859 |
| 4. | Xăng RON 91/92 | Tấn | 792.034 | 792.034 |
| 5. | Xăng RON 95 | Tấn | 2.004.401 | 2.004.401 |
| 6. | Jet A1 | Tấn | 402.760 | 402.760 |
| 7. | Diesel Oil | Tấn | 2.437.614 | 2.437.614 |
| 8. | Fuel Oil | Tấn | 176.914 | 176.914 |
| 9. | Lưu huỳnh | Tấn | 2.933 | 2.933 |
| 10. | TỔNG | Tấn | 6.499.087 | 6.499.087 |

1.2.2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (Hợp nhất)

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2022 |
|-----|--|-----------------------|-------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 91.677,7 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1.370,7 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1.295,4 |
| 4 | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 9.944,9 |
| 5 | Năng suất lao động bình quan (tính theo doanh thu) | Tỷ đồng/ người/ tháng | 4,1 |

1.2.3. Kế hoạch Công ty Mẹ

– Kế hoạch tài chính

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2022 |
|-----|--|---------|-------------|
| 1. | Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 35.135,1 |
| | – Vốn điều lệ cuối kỳ | Tỷ đồng | 31.005,0 |
| 2. | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 91.411,5 |
| 3. | Lợi nhuận trước thuế (*) | Tỷ đồng | 1.474,1 |
| 4. | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1.400,8 |
| 5. | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH | % | 4,0 |
| 6. | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ | % | 4,5 |
| 7. | Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ | % | - |
| 8. | Chia cổ tức | Tỷ đồng | - |
| 9. | Hệ số nợ/vốn điều lệ | lần | <3 |
| 10. | Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn | Tỷ đồng | - |
| 11. | Chia cổ tức cho cổ đông khác | Tỷ đồng | - |
| 12. | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 9.934 |

Ghi chú:

+ Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 60\$US/thùng.

+ (*): Lợi nhuận trước thuế chưa tính đến tác động của hàng tồn kho.

– Kế hoạch vốn đầu tư

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2022 |
|----------|--------------------------------|----------------|-------------------|
| 1 | Tổng nhu cầu vốn đầu tư | Tỷ đồng | 620,7 |
| 1.1 | Đầu tư XDCB | Tỷ đồng | 447,4 |
| - | Dự án NCMR NMLD Dung Quất | Tỷ đồng | 376,1 |
| - | Các dự án khác | Tỷ đồng | 71,3 |

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2022 |
|----------|---|---------|-------------------|
| | + Dự án thực hiện trong năm | Tỷ đồng | 7,0 |
| 1.2 | Mua sắm TTB & TSCĐ | Tỷ đồng | 173,3 |
| - | Các hạng mục chuyển tiếp | Tỷ đồng | 128,7 |
| - | Các hạng mục mua sắm mới trong năm 2022 | Tỷ đồng | 37,7 |
| - | Dự phòng | Tỷ đồng | 6,9 |
| 2 | Nguồn vốn | Tỷ đồng | 620,7 |
| - | Vốn Chủ sở hữu | Tỷ đồng | 620,7 |
| - | Vốn vay và khác | Tỷ đồng | - |

1.3. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua:

- Ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện và công bố thông tin theo quy định;
 - Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 (Chia cổ tức và trích lập các Quỹ năm 2022) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Báo cáo đính kèm).
 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Báo cáo đính kèm).
 4. Thông qua Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Báo cáo đính kèm)
 - Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021: 10.384.400.000 đồng.
 - Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022: 9.881.600.000 đồng.

Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS sẽ được thực hiện và điều chỉnh tùy thuộc vào số lượng thành viên chuyên trách, không chuyên trách và kết quả hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.
 5. Thông qua Tờ trình về việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát BSR (Tờ trình đính kèm).
 6. Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 (Tờ trình đính kèm).
 7. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 (Tờ trình đính kèm).

| Stt | Khoản mục | Giá trị (đồng) |
|----------|--|--------------------------|
| I | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 6.810.200.189.905 |
| | Trong đó: | |

03
IG
HA
4D
2N
NG



| Stt | Khoản mục | Giá trị (đồng) |
|------------|---|--------------------------|
| | - LNST chưa phân phối năm 2020 chuyển sang 2021 | 33.549.448.931 |
| | - LNST năm 2021 | 6.776.650.740.974 |
| II | Phân phối lợi nhuận | 6.810.200.189.905 |
| 1 | Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 283.730.000.000 |
| | <i>Trong đó: - Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động</i> | <i>281.561.000.000</i> |
| | <i>- Quỹ Thưởng người quản lý</i> | <i>2.169.000.000</i> |
| 2 | Chia cổ tức (3% VDL tương đương 300 đồng/cổ phiếu) | 930.149.884.800 |
| 3 | Quỹ Đầu tư phát triển | 5.596.320.305.105 |
| III | LNST chưa phân phối năm 2021 chuyển sang năm 2022 | - |

8. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 (Tờ trình đính kèm).

Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 từ các Công ty sau:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Công ty TNHH KPMG.

9. Thông qua Tờ trình về các nội dung liên quan đến Dự án Nâng cấp mở rộng (NCRM) Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Tờ trình đính kèm).

- Thông qua kết quả chuyển giao vai trò Người quyết định đầu tư Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án NCRM NMLD Dung Quất.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện một số nội dung như sau:

(i) Thông qua hồ sơ xin điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật về Đầu tư; Thông qua/phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có) liên quan đến việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án; Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư.

(ii) Thông qua/phê duyệt các nội dung khác ngoài mục (i) nêu trên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của Pháp luật được áp dụng đối với Dự án.

10. Thông qua Bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty

| TT | Họ và tên | Số phiếu bầu | Tỷ lệ |
|----|-----------------|---------------|-----------|
| 1. | Hoàng Đình Nhật | 2.861.990.218 | 99,99027% |
| 2. | Vũ Lan Phương | 2.861.552.608 | 99,97498% |

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành:

Điều 3. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người Phụ trách quản trị, Thư ký Công ty, Trưởng các Ban, đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Lọc

hóa dầu Bình Sơn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu VT, VPHĐQT.



NGUYỄN VĂN HỘI

